PHỤ LỤC I: BẢNG TÍNH CHI TIẾT SẢN LƯỢNG, DOANH THU KẾ HOẠCH NĂM 2024
(Tính theo giá điện ban hành năm 2023 của Cục Điều tiết Điện lực)

Tháng	Sản lượng kế hoạch									Thành tiền	Giá bình quân	Ghi chú
	Tổng cộng	Sản lượng theo giờ										
		Bình thường		Cao điểm		Thấp điểm		Dư				
		SL	Đơn giá	SL	Đơn giá	SL	Đơn giá	SL	Đơn giá			
Quý I	**12.476.000**	**5.005.344**	**729**	**5.330.203**	**2.661**	**2.140.312**	**729**	**-**	**-**	**19.392.853.000**	**1.558**	
1	4.893.871	2.069.572	729	1.941.988	2.661	882.311	729			7.319.552.775	1.496	
2	3.481.988	1.435.772	729	1.488.215	2.661	558.001	729			5.413.600.632	1.555	
3	4.100.000	1.500.000	729	1.900.000	2.661	700.000	729			6.659.700.000	1.624	
Quý II	**13.324.000**	**5.324.000**	**729**	**5.700.000**	**2.661**	**2.300.000**	**729**	**-**	**-**	**20.725.596.000**	**1.578**	
4	3.724.000	1.324.000	729	1.900.000	2.661	500.000	729			6.385.596.000	1.715	
5	4.100.000	1.600.000	729	1.900.000	2.661	600.000	729			6.659.700.000	1.624	
6	5.500.000	2.400.000	729	1.900.000	2.661	1.200.000	729			7.680.300.000	1.396	
Quý III	**21.500.000**	**11.800.000**	**708**	**4.300.000**	**707**	**5.400.000**	**706**	**-**	**353**	**15.206.900.000**	**707**	
7	4.700.000	2.500.000	708	1.000.000	707	1.200.000	706		353	3.324.200.000	707	
8	7.000.000	3.700.000	708	1.400.000	707	1.900.000	706		353	4.950.800.000	707	
9	9.800.000	5.600.000	708	1.900.000	707	2.300.000	706		353	6.931.900.000	707	
Quý IV	**27.700.000**	**15.500.000**	**722**	**5.500.000**	**2.010**	**6.700.000**	**721**	**-**	**353**	**26.936.200.000**	**981**	
10	9.800.000	5.600.000	708	1.900.000	707	2.300.000	706		353	6.931.900.000	707	
11	9.400.000	5.300.000	729	1.800.000	2.661	2.300.000	729			10.330.200.000	1.099	
12	8.500.000	4.600.000	729	1.800.000	2.661	2.100.000	729			9.674.100.000	1.138	
Tổng	**75.000.000**	**37.629.344**		**20.830.203**		**16.540.312**				**82.261.549.000**		
Giờ VH	**4.688**							**Đơn giá bình quân**		**1.097**		

Ghi chú: Sản lượng trung bình được tính dựa trên trung bình sản lượng 6 năm (2018-2023) của NMTĐ Đrây H'Linh 2: 79.900.000 kWh.

- Dự kiến trong tháng 7 và tháng 8 năm 2024 sẽ thực hiện SCL 01 tổ máy và bảo dưỡng định kỳ 01 tổ máy còn lại *(Đây là các công trình chưa thực hiện được trong năm 2023, chuyển sang năm 2024 thực hiện)* với thời gian dự kiến như sau:

+ SCL 01 tổ máy: Dự kiến dừng 01 máy trong 30 ngày, sản lượng dự kiến không sản xuất được dự kiến là: 3.200.000 kWh;

+ Bảo dưỡng tổ máy còn lại: Dự kiến dừng 1 tổ máy trong 10 ngày, sản lượng không sản xuất được dự kiến là: 1.920.000 kWh;

Tổng sản lượng giảm khi thực hiện các công việc nêu trên: 5.100.000 kWh

(Tổng sản lượng giảm nêu trên chưa bao gồm sản lượng giảm do A0, A3 và B41 điều tiết cắt giảm do quá tải hệ thống)